

GIÁC NGỘ PHÁP GÌ

ỨNG DỤNG TU NGŨ THỪA PHẬT GIÁO

I.- MỞ ĐỀ

Tất cả pháp Phật dạy đều trước phải giác ngộ rồi sau mới ứng dụng tu. Cũng như trước biết đường rồi sau mới đi, trước hiểu rồi sau mới làm. Sự giác ngộ này là nhận thấy lẽ thật ngay thể gian không phải huyền nhiệm siêu viển, mà là cụ thể thực tế. Bởi giác ngộ rồi mới tu, nên đúng tinh thần đạo giác ngộ. Chúng ta là Phật tử phải thấu rõ lẽ này, đừng lầm lẫn ứng dụng tu một cách mù quáng. Không hiểu mà làm là việc làm càn bướng đại khờ. Chúng ta phải thấp sáng ngọn đuốc chánh pháp soi bước đi, để khỏi vấp ngã rơi hố lộn hầm.

Tổng quát căn bản Phật pháp là Ngũ thừa Phật giáo, trước khi ứng dụng tu mỗi thừa đều phải giác ngộ mỗi pháp. Ví như ở bến xe miền Đông tại thành phố Hồ Chí Minh, trước khi chúng ta mua vé lên một chiếc xe nào là phải ý thức được mình đi đâu, đi làm gì ? Khi mua vé lên xe, chúng ta biết rõ chủ đích và phân biệt rành rẽ con đường mình đi. Nếu chúng ta mua vé lên xe Tây Ninh là biết rõ mình sẽ đến Thị xã Tây Ninh, mua vé lên xe Vũng Tàu là biết rõ mình sẽ đến Đặc khu Vũng Tàu. Lên xe nào đến chỗ ấy là ví dụ cho Ngũ thừa Phật giáo. Bởi vì thừa là cỗ xe hay ngòi xe, sẽ đưa đến mục đích chúng ta nhắm. Chọn lựa xe đi là theo nhu cầu cần thiết của chúng ta đã biết. Thế nên trước giác, sau tu là chủ yếu của Ngũ thừa Phật giáo.

II.- GIÁC NGỘ LÝ NHÂN QUẢ, LUÂN HỒI ỨNG DỤNG TU NHÂN THỪA, THIÊN THỪA

1. Giác ngộ lý nhân quả, luân hồi

a) Giác ngộ lý nhân quả

Vạn vật và mọi hiện tượng trên thế gian này, nếu đem ra khảo sát, chúng ta sẽ thấy không có một vật tượng nào thoát ra ngoài nhân quả. Từ động vật, thực vật, khoáng vật cho đến mọi hiện tượng mà các giác quan chúng ta cảm nhận được, đều phải có nhân mới thành quả. Ví như con người là quả, xuất phát từ bào thai là nhân. Cây lúa, bông lúa là quả, phát sanh từ hạt lúa giống là nhân. Khối đá là quả, kết hợp từ những hạt bụi là nhân. Dù là những hiện tượng lạ xuất phát từ con người hay thiên nhiên, tuy hiện nay người ta chưa phát giác được nguyên nhân của nó, song chỉ là chưa tìm ra, chứ chẳng phải không nguyên nhân. Thấy quả, chúng ta liền biết có nhân, đó là tinh thần khoa học, là óc khảo cứu của các nhà bác học. Thấy một thành quả, chúng ta chưa tìm ra nguyên nhân của nó, là chưa thấu suốt vấn đề. Từ một kết quả, chúng ta thông suốt nguyên nhân, chúng ta có thể cấu tạo nguyên nhân để được kết quả như ý muốn. Ví như thấy bông lúa thơm biết từ hạt giống lúa thơm, chúng ta muốn sang năm có lúa thơm ăn, năm này phải

lấy giống lúa thơm gieo mạ. Trên lãnh vực khoa học, người ta thấy nắp vung nồi nước động, biết từ hơi nước đun sôi bốc lên, do đó chế biến ra các loại máy nổ. Khi thấy chiếc pháo thăng thiên bay vút lên cao nổ tung ra, biết từ nhiên liệu cháy có sức đẩy, người ta chế ra các loại phi cơ phản lực... cho đến những ngôn từ luận lý cũng phải từ quả đến nhân, hoặc từ nhân ra quả. Nếu không như thế là lý luận không chặt chẽ. Ví như nói, tôi thích món ăn này (quả), vì nó vừa miệng tôi (nhân). Tôi không ưa người đó (quả), vì họ ở xấu với tôi (nhân). Vì nghèo (nhân), tôi không dám ăn xài (quả). Thực tế mà nói, nhân quả bao trùm hết mọi lãnh vực trong cuộc sống của con người. Mọi hành vi thổ lộ ra, đều lệ thuộc nhân quả. Song với người trí thì biết rõ, kẻ ngu thì không phân rành.

Nói đến nhân quả là tùy thuộc thời gian. Bởi vì từ nhân đến quả, phải trải qua giai đoạn khác nhau. Như từ một hạt cam đến thành cây cam và có trái cam, phải trải qua thời gian dài. Hạt cam hoại để thành cây cam, hạt cam thuộc quá khứ, cây cam hiện tại, trái cam vị lai. Rồi trái cam là quá khứ, hạt cam là hiện tại, cây cam là vị lai. Cứ thế xoay vần từ nhân đến quả, từ quả lại nhân. Vì thế muốn đoán định nhân quả, chúng ta phải căn cứ trên ba thời mà xét. Nếu ai chỉ cất xén một chặng mà đoán định, là sai lầm lệch lạc. Ví như đồng thời trồng cam, mà một người được quả cam sành, một người được quả cam đường. Nhìn cây cam lá cam giống nhau, mà trái cam lại khác. Nếu chỉ căn cứ cây cam, trái cam mà biện lý lẽ, làm sao hiểu nổi. Chúng ta phải xét lui về quá khứ, khi gieo hạt cam loại nào, mới thấy thấu đáo vấn đề. Cũng thế, trong cuộc sống khổ vui tốt xấu hiện tại của chúng ta, không nhìn lui về quá khứ, khó bề hiểu biết tường tận. Cho nên trong kinh Nhân Quả Phật dạy: “Muốn biết nhân đời trước, cứ xem cuộc sống hiện tại này, cần biết quả đời sau, nên xem hành động hiện nay.” Hiện tại là kết quả của quá khứ, cũng là nhân của vị lai. Cây cam là quả của hạt cam, cũng là nhân của quả cam. Muốn mai kia được nhiều quả cam ngon, hiện tại chúng ta phải vun quén cho cây cam được sum suê. Đây là khéo ứng dụng nhân quả. Hiểu thấu đáo lý nhân quả là giác ngộ lý nhân quả.

b) Giác ngộ lý luân hồi

Luân hồi là sự vận hành luân chuyển. Trong bầu vũ trụ chúng ta hiện sống đây, luôn luôn vận hành luân chuyển. Quả địa cầu xoay tròn mãi mãi, sáng tối rồi sáng tối. Nhân đó lập thời gian: ngày, tháng, năm, xuân, hạ, thu, đông. Thế rồi xuân hạ thu đông lại xuân hạ thu đông... Đây là hiện trạng luân hồi của không gian và thời gian. Cho đến mọi sanh vật sinh sống trên quả địa cầu, vừa có sự sống là có vận hành lưu chuyển, ở bên trong mọi vật đều có sự vận hành luân chuyển không ngừng. Dừng đứng lại là mất sự sống. Như nơi con người máu từ quả tim chạy ra các huyết quản, từ các huyết quản trở về quả tim, sự vận hành ấy không có khi dừng, vừa dừng lại là chết. Các sanh vật khác cũng thế. Cho nên

luân hồi, là một thực thể của vũ trụ và chúng sanh. Phủ nhận lý luân hồi là phủ nhận sự sống, phủ nhận sự biến thiên của thời gian và không gian.

Thừa nhận lý luân hồi, chúng ta phải thừa nhận hai yếu tố then chốt của nó là vận hành và bất tận. Vì mọi hiện tượng trên nhân gian này luôn luôn vận hành thăng trầm mà bất tận. Sự vật tùy duyên đổi thay, song bản chất của nó không mất. Ví như nước, tùy duyên nóng hay lạnh hình thái của nó bị đổi thay. Từ một thể lỏng, gặp duyên sóng nước biến thành thể hơi, gặp duyên lạnh cô đọng lại thành thể cứng. Mọi sự biến thể của nước đều là tùy duyên. Có khi nó nhẹ bồng bạc trong hư không, có khi đọng lại thành khối cứng như đá. Tuy hình thái đổi luôn luôn, mà bản chất nước vẫn không mất. Nếu ai thấy nước không còn ở thể lỏng, bảo mất là khờ. Hoặc thấy tan không còn ở thể cứng, bảo hết là dại. Người khôn ngoan biết sự tùy duyên biến thái của nước, muốn nó là hơi dùng duyên nóng, muốn nó thành khối dùng duyên lạnh. Thế là tùy duyên ứng dụng một cách linh động. Đó là chỗ sử dụng của các nhà khoa học hiện nay.

Cũng thế, sang lãnh vực con người, biết sự luân hồi tùy nghiệp duyên, người tu hành khéo tạo nghiệp lành duyên tốt, để sự vận chuyển đúng theo sở nguyện của mình. Sử dụng nghiệp duyên theo nguyện vọng sở thích của mình, là người thông suốt lý luân hồi. Biết rõ luân hồi là biến thể chứ không mất, người tu không mắc kẹt hai cái chấp thường kiến và đoạn kiến. Từ nghiệp duyên tốt xấu đưa đến thành quả khổ vui ở mai kia. Chúng ta dại gì không chọn nghiệp duyên tốt để được kết quả an vui. Đây là sự tu hành của người Phật tử trong cuộc luân hồi.

2. Ứng dụng tu nhân thừa, thiên thừa

Sau khi thành Phật, đức Thích-ca đã từng bảo: "Ta xem thấy chúng sanh luân hồi trong sáu đường, như người mất sáng đứng trên lầu cao nhìn xuống ngã tư đường, thấy người qua lại của mỗi con đường một cách rõ ràng." Trong sáu con đường ấy là: trời, người, a-tu-la, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục. Ba con đường trên là tốt, ba con đường dưới là xấu. Ba con đường trên chọn kỹ chỉ có cõi trời, cõi người còn tu được. A-tu-la nóng nảy khó tu. Vì thế người tu phải chọn hai con đường trên, gọi là Nhân thừa và Thiên thừa.

a) Nhân thừa

Tu nhân thừa, trước phát nguyện qui y Tam Bảo để vạch một lối đi cho hiện tại và mai sau. Kế giữ năm giới là nền tảng tạo thành tư cách con người, là con người ai cũng xem sanh mạng mình là tối thượng, tài sản là huyết mạch, gia đình là tổ ấm an vui. Vì thế tuyệt đối không được giết người, không được trộm cướp của người, không được phạm tà dâm. Lại không nói dối để gây uy tín, sự cảm thông trong gia đình và ngoài xã hội, không uống rượu để mình bình tĩnh

sáng suốt và khỏi làm phiền hà mọi người chung quanh. Hiện tại là một con người đứng tư cách con người, vị lai cũng sẽ làm người xứng đáng danh nghĩa con người. Đó là do thấy được nhân, biết rõ quả và nhận được sự bất tận trong dòng sanh mạng của con người, nên ứng dụng tu như thế.

b) Thiên thừa

Chúng sanh ở cõi Trời do phước đức đầy đủ nên dục lạc sung mãn. Chúng ta muốn hưởng sự an vui ấy, ngay hiện tại cần phải tu mười điều lành, nhân lành đầy đủ sẽ được kết quả sanh cõi Trời. Mười điều lành có chia hai phần tiêu cực và tích cực. Mười điều lành tiêu cực: không giết người, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không nói ly gián, không nói thù dật, không nói ác khẩu, bớt tham lam, bớt nóng giận, không tà kiến. Mười điều lành tích cực: cứu mạng chúng sanh, bố thí, trình bạch, nói chân thật, nói hòa hợp, nói đúng lý, nói nhã nhặn, tập từ bi, tập nhẫn nhục, chánh kiến. Mười điều này nhân thù thắng nên được quả thù thắng nhất trong sáu đường. Vì thế, người Phật tử tu hành, nếu biết còn luân hồi nên chọn cái luân hồi này là tốt đẹp hơn cả. Đó là ứng dụng tu Thiên thừa, qua sự giác ngộ lý Nhân quả, Luân hồi.

III. GIÁC NGỘ LÝ VÔ THƯỜNG, KHỔ, KHÔNG, ỨNG DỤNG TU THANH VĂN THỪA.

a) Giác ngộ lý vô thường, khổ, không

Vạn vật trên nhân gian này đều là tướng di động biến thiên, không một vật nào tạm yên và đứng nguyên một trạng thái. Sự di động biến thiên ấy gọi là vô thường. Vô thường là một lẽ thật trùm trên vạn vật. Đã có vô thường phải đến biến hoại (khổ), đã biến hoại phải bị diệt mất (không). Ba trạng thái này liên hệ dĩ nhiên với nhau. Đã thừa nhận vô thường là thừa nhận KHỔ, thừa nhận khổ phải chấp nhận KHÔNG. Vạn vật cứ như thế mà tiếp diễn liên miên bất tận.

b) Tu pháp tứ đế

Đức Phật chứng kiến lẽ ấy, nên Ngài nói pháp Tứ đế. Tất cả là khổ, vì nó là tướng vô thường biến hoại. KHỔ là một lẽ thật nên nói là Khổ đế. Nơi con người sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ. Đây là tướng vô thường biến hoại của con người. Dù là người ở ngôi vị nào cũng phải chung chịu bốn tướng ấy. Thế nên khổ đế là luật chung của nhân loại, không riêng bởi một cá nhân nào. Chẳng những thế mà còn, Ái biệt ly khổ, Cầu bất đắc khổ, Oán tắng hội khổ, và Ngũ ấm xí thành khổ. Nghĩa là ngoài cái khổ biến hoại của bản thân, còn những cái khổ tình cảm bất như ý. Người thương yêu mà phải xa lìa, khiến cho lòng dạ tan nát. Những điều mơ ước mong cầu mà không toại nguyện, quả là một tuyệt vọng, một bất mãn tột cùng. Kẻ oán ghét mà phải sống chung cùng, thật là sự bức bối khó tả. Tổng quát ngay nơi thân năm ấm này là một khối chung hợp

toàn những thứ biến hoại đau khổ. Kể cả những thứ khổ nhỏ nhiệm thì có đến tám vạn bốn ngàn khổ.

Sự khổ này không phải ngẫu nhiên mà có chính nó phát xuất từ nguyên nhân: si, tham, sân, mạn, nghi, ác kiến. Nếu kể chi li có đến tám vạn bốn ngàn thứ trần lao phiền não. Các thứ đó gọi chung là Tập đế. Do si mê không biết thân tâm như thật nên khởi tham ái thân tâm. Bởi tham ái thân tâm nên mong cầu mọi sự khoái lạc, gặp sự chống đối liền khởi tức giận. Do ái ngã nên khinh khi lán lướt người. Bởi si mê nên nghi ngờ lẽ thật và khởi kiến chấp tà ác. Tự hợp những nguyên nhân mê lầm tạm bợ này làm ngã, quả thật là nhân của khổ, nên gọi là Tập đế, hay Khổ tập.

Muốn cho quả khổ tan hoại, không gì hơn đập thẳng nơi tập nhân. Tập nhân đã tiêu diệt gọi là Diệt đế hay Khổ diệt. Bởi tập nhân là mầm si mê biến hoại, nên khi diệt sạch chúng thì, trí tuệ phát sanh, nhân sanh diệt cũng bật dứt. Thế là chứng tử quả Thanh văn được tịch diệt Niết-bàn.

Song muốn phá hoại tập nhân cần phải có phương tiện. Phương tiện này là ba mươi bảy Phẩm trợ đạo: Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ như ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất giác chi, Bát chánh đạo. Mỗi pháp như Tứ niệm xứ... ứng dụng triệt để cũng có thể tiêu diệt được tập nhân, không nhất thiết phải tu đủ ba mươi bảy phẩm. Những pháp này quả có công hiệu tiêu diệt tập nhân, nên gọi là Đạo đế hay Khổ đạo. Chữ đạo có nghĩa là phương pháp, ba mươi bảy phẩm này là những phương pháp diệt sạch tập nhân đau khổ.

Trong bốn đế này đứng về mặt nhân quả mà nói: Khổ đế là quả, Tập đế là nhân của dòng luân hồi sanh tử. Diệt đế là quả, Đạo đế là nhân của dòng giải thoát sanh tử. Thế nên còn có Tập đế quyết định phải có Khổ đế, biết dụng tu Đạo đế đúng pháp, nhất định sẽ đạt được Diệt đế. Thế là hai con đường luân hồi đau khổ và tịch diệt Niết-bàn đã trưng bày trước mắt chúng ta, tùy ý chọn lấy mà đi. Đây là một lẽ thật không thể sai chạy, cho nên Tôn giả A-nan trình lên Phật khi Ngài sắp niết-bàn: "Mặt trời có thể lạnh, mặt trăng có thể nóng, pháp Tứ đế Phật nói vẫn không thay đổi!"

IV.- GIÁC NGỘ LÝ NHÂN DUYÊN ỨNG DỤNG TU DUYÊN GIÁC THỪA

a) Giác ngộ lý duyên sanh vô ngã

Vạn vật có hình tướng đều do duyên hợp. Không có một vật tự thân là một vật, mà phải do chung hợp nhiều dữ kiện mới hình thành. Cái bàn không tự là cái bàn, mà phải có gỗ, có đinh, ông thợ mộc và dụng cụ mới tạo thành cái bàn. Cái cây không tự là cái cây, mà phải có hạt giống, có phân, có đất, có nước, có ánh nắng và người săn sóc mới thành cây. Con người không tự là con người, mà phải do tinh cha, huyết mẹ, nhờ sự bú sữa, ăn uống, hít thở... mới thành con người.

Tóm lại cả thế gian này không có một vật gì tự nó thành nó, mà do duyên chung quanh hợp thành hình.

Đã do duyên hợp thì không chủ thể, thế là vô ngã. Như thân xác thịt chúng ta, nhà Phật bảo là tứ đại hợp thành. Đất nước gió lửa là bốn thứ lớn, hợp thành con người cũng hợp thành sự vật. Thứ phân tích con người, chất cứng là đất, chất ướt là nước, chất động là gió, chất ấm là lửa. Bốn chất này tìm xem cái nào là chủ? Nhẹ như chất gió và lửa mà thiếu một, thử hỏi thân này còn chăng? Quả nhiên không thể thiếu một chất nào mà thân này còn tồn tại. Thế thì bốn chất có khả năng như nhau, vậy cái nào là chủ? Không có chủ tức là vô ngã. Thân đã vô ngã, tâm lại có ngã chăng? Nhà Phật chia thân này làm năm nhóm: nhóm hình sắc gọi là sắc uẩn, nhóm cảm thọ gọi là thọ uẩn, nhóm tưởng tượng gọi là tưởng uẩn, nhóm suy tư gọi là hành uẩn, nhóm phân biệt gọi là thức uẩn. Bộ phân sắc uẩn ra, còn bốn thứ kia thuộc phần tâm thần. Thế thì bốn nhóm thọ tưởng hành thức cái nào là chủ. Nếu cảm thọ là chủ thì tưởng tượng suy tư phân biệt là gì? Chính nơi tâm thần chúng ta có đủ bốn nhóm ấy, mỗi thứ hoạt động một lãnh vực riêng. Thế nên phần tâm cũng không chủ thể, ấy là tâm vô ngã.

b) Tu pháp Thập nhị nhân duyên

Mười hai nhân duyên, khởi đầu là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Thế là "cái này có nên cái kia có, cái này sanh nên cái kia sanh". Vô minh là mê lầm về bản ngã, nên mất thân theo nghiệp dẫn là Hành. Nghiệp thúc đẩy thức đi thọ sanh là Thức. Thức tựa vào sự phối hợp của tinh cha huyết mẹ là Danh sắc. Danh là thức, sắc là tinh huyết cha mẹ, hợp thành thai bào. Thai bào có đủ sáu căn là Lục nhập. Khi ra khỏi lòng mẹ sáu căn tiếp xúc với sáu trần là Xúc. Do sự tiếp xúc có cảm thọ khổ, vui, không khổ không vui là Thọ. Bởi cảm thọ nên sanh yêu thích là Ái. Từ yêu thích khởi tâm bảo thủ là Thủ. Do bảo thủ tạo thành nghiệp thiện ác là Hữu. Đã có nghiệp thiện ác là có sanh đời sau là Sanh. Đã có sanh là phải già chết là Lão tử. Trong mười hai nhân duyên liên hệ quá khứ hiện tại vị lai, cứ thế xoay vần không có ngày cùng. Đây là mười hai nhân duyên theo chiều lưu chuyển.

Biết rõ thân tâm này do nhân duyên hòa hợp không có chủ thể là vô ngã. Trí tuệ đạt lý vô ngã này dẹp tan mê lầm về bản ngã là Vô minh. Thế là Vô minh diệt nên Hành diệt, Hành diệt nên Thức diệt, Thức diệt nên Danh sắc diệt, Danh sắc diệt nên Lục nhập diệt, Lục nhập diệt nên Xúc diệt, Xúc diệt nên Thọ diệt, Thọ diệt nên Ái diệt, Ái diệt nên Thủ diệt, Thủ diệt nên Hữu diệt, Hữu diệt nên Sanh diệt, Sanh diệt nên Lão tử diệt. Từ đây vòng xúc xích mười hai nhân duyên tan rã. Chính

là câu “cái này không nên cái kia không, cái này diệt nên cái kia diệt”. Đây là quán mười hai nhân duyên theo chiều hoàn diệt.

Do thấu suốt nhân duyên, đạt được trí vô ngã nên chứng quả Duyên giác.

Ngang đây chấm dứt sự luân hồi, hằng an lạc Niết-bàn.

V.- GIÁC NGỘ LÝ DUYÊN KHỞI TÁNH KHÔNG, TU BỒ-TÁT THỪA

a/ Giác ngộ lý duyên khởi tánh không

Cũng đứng trên lý duyên sanh, song Bồ-tát không dừng lại ở chỗ thân này do năm uẩn kết hợp là vô ngã, mà còn thấy năm uẩn tánh không. Bởi vì thân này là giả tướng do năm uẩn kết hợp, chính năm uẩn cũng là giả tướng của cái khác kết hợp và có cái khác cũng là giả tướng của cái khác nữa kết hợp... Tột cùng tất cả các pháp đều là duyên hợp không có chủ thể, là tánh không. Bởi tánh không do duyên hợp nên giả có. Vì cái có ấy là tướng duyên hợp, nên giả dối tạm bợ như huyễn hóa. Giả có nên chẳng phải không, có một cách tạm bợ nên không phải thật có. Thế là không mắc kẹt ở hai bên chấp không và chấp có. Đạt tột lý duyên khởi tánh không, Bồ-tát nhìn sự vật như chính bản thân mình, chỉ có giả danh mà không có thực thể. Bởi không có thực thể, nên các pháp thấy như bọt, bóng, huyễn hóa. Duyên hợp thì các pháp có, duyên tan thì các pháp không. Sự có không ấy chẳng qua là tướng của duyên thô. Thế nên, Bồ-tát thấy thân như huyễn, ngay khi sanh mà biết vô sanh.

b/ Tu pháp lục độ

Lục độ là sáu pháp: Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ. Sáu pháp này tu được cứu kính gọi là Lục Ba-la-mật. Bồ-tát do thấy các pháp như huyễn nên tu bố thí được cứu kính. Bố thí có như: Tài thí, Pháp thí, Vô úy thí. Tài thí lại có ngoại tài, nội tài. Bồ-tát dùng của cải để cứu giúp người đói khổ là bố thí ngoại tài. Có khi cần đến sức lực, hoặc thân phần của mình để cứu giúp người, Bồ-tát sẵn sàng làm là bố thí nội tài. Song phần tài thí chỉ là phương tiện đầu để thu nhiếp cảm tình của người rồi sang pháp thí. Pháp thí là đem chánh pháp chỉ dạy cho người được tỉnh giác. Giáo hóa cho người được giác ngộ là phần giác tha của Bồ-tát. Vô úy thí là dùng phương tiện giúp người qua cơn kinh sợ hãi hùng. Trong mọi hoàn cảnh khủng khiếp của Bồ-tát đều dùng mọi phương tiện để an ủi cho người khỏi sợ. Song cái sợ to lớn nhất là biển khổ sanh tử, Bồ-tát thường chèo thuyền Bát-nhã cứu người qua khỏi biển khổ là vô úy thí. Đã thấy các pháp như huyễn, nên Bồ-tát không khước từ những điều khó bố thí. Vì thế Bố thí được ba-la-mật.

Trì giới là gìn giữ giới pháp của Phật răn cấm. Trong giới Bồ-tát có mười giới trọng và bốn mươi tám giới khinh, từ kinh Phạm Võng. Hoặc

Tam tụ tịnh giới của hàng Bồ-tát. Đây là ba nhóm giới thanh tịnh Bồ-tát phải thực hành. Một là Nhiếp luật nghi giới, những pháp nên lìa Bồ-tát hằng lìa. Hai là Nhiếp thiện pháp giới, những pháp nên chứng, Bồ-tát đều tu chứng. Ba là Nhiều ích hữu tình giới, Bồ-tát thường làm lợi ích chúng sanh. Những giới pháp này tu hành đến cứu kính viên mãn gọi là Giới ba-la-mật. Chính vì thấy các pháp duyên khởi như huyễn nên Bồ-tát hay làm được việc khó làm.

Nhẫn nhục là sức cam chịu mọi hoàn cảnh khổ đau bức bách tủ nhục đến với tự thân. Chúng ta chiến thắng mọi sự thúc giục bức bách của bản thân tạo ra và chiến thắng những gì khổ đau tủ nhục từ bên ngoài đưa đến. Cho đến những điều oan trái không đâu, hoặc cực kỳ vô lý, chúng ta cũng nhẫn chịu được. Có khi phải trả giá rất đắt về danh dự, về thân thể, mà vẫn cam chịu để tròn hạnh nhẫn nhục. Cho nên nhẫn nhục khi đến cứu kính là một sức hùng dũng phi thường, vì đã chiến thắng hoàn toàn bản tánh ái ngã và bảo vệ ngã. Được thế mới gọi là Nhẫn nhục ba-la-mật.

Tinh tấn là cố gắng nỗ lực. Dốc hết khả năng để chiến thắng mình, để chóng thành đạo quả, là tinh tấn trong phần tự lợi. Dốc hết khả năng để cứu giúp người, để giáo hóa cho họ giác ngộ, là phần lợi tha. Ở hai bình diện tự lợi lợi tha, Bồ-tát lúc nào cũng nỗ lực một cách tột cùng, gọi là Tinh tấn ba-la-mật. Bởi Bồ-tát thấy đem thân như huyễn độ hữu tình như huyễn, nên không bao giờ biết mỏi mệt và chán ngán.

Thiền định, “thiền” nguyên từ chữ Phạn Dhyāna (Thiền Na), Trung Hoa dịch là Tĩnh lự. Có nghĩa là do gá tâm một cảnh khiến những tâm lự lăng xăng được lặng yên. Song Thiền định trong nhà Phật cũng có nhiều lối, hoặc quán thân tâm này vô chủ để ngộ ngã không hoặc quán năm uẩn tánh không để ngộ pháp không, hoặc tâm không chấp cảnh khiến tâm cảnh nhất như. Bởi dùng được vọng tâm nên gọi là tĩnh lự. Thiền định đến tâm cảnh nhất như là Thiền ba-la-mật.

Trí tuệ là trí vô sự được hiển lộ viên mãn. Bởi mây mờ vọng lự dứt sạch, nên mặt trời trí tuệ vô sự chiếu sáng rực rỡ. Trí tuệ này là do công phu tu thiền định mà phát xuất, chớ không phải do học tập mà được. Cho nên khi trí thể này hiện bày thì vô minh phiền não hoàn toàn tiêu sạch. Thế là đầy đủ trí vô lậu thoát ly sanh tử luân hồi. Đây là Trí tuệ ba-la-mật.

Lục độ có nghĩa là do tu sáu pháp này đưa qua biển khổ sanh tử. Lại có nghĩa tu mỗi pháp qua mỗi cái dờ: tu Bố thí độ bỏn sẻn, tu Trì giới độ phá giới, tu Nhẫn nhục độ nóng giận, tu Tinh tấn độ lười biếng, tu Thiền định độ tán loạn, tu Trí tuệ độ ngu si.

Tóm lại, Ngũ thừa Phật giáo là phương tiện hướng chúng sanh tiến lên, tùy căn cơ và sở nguyện mà sự tiến lên ấy có cao thấp khác nhau.

Đã là phương tiện thì chưa phải mục đích chánh yếu của đức Phật muốn dạy. Nếu nhằm chỗ mục đích chánh của Phật thì chỉ giáo hóa chúng sanh đều được thành Phật. Tuy nhiên lòng từ bi của đức Phật là như thế, song trình độ căn cơ của chúng sanh thì chẳng đồng. Buộc lòng đức Phật phải mở rộng Ngũ thừa hoặc Tam thừa mà giáo hóa chúng sanh. Nếu chúng ta ứng dụng tu hành một thừa trong năm thừa, mà tâm niệm vẫn biết rõ rằng đây là phương tiện để tiến lên, chớ không phải chỗ an trụ vĩnh cửu, là không có lỗi lầm. Ngược lại, chúng ta tu theo thừa nào chấp chặt vào đó, không chịu phát tâm hướng thượng, ấy là những kẻ rơi trong Hóa thành. Chúng ta là người cầu Phật đạo, phải tu đến bao giờ viên mãn Phật đạo mới được dừng nghỉ. Đây là mục đích tối thượng của người Phật tử chúng ta.